

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ VÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 4)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm	Sự phù hợp với quy hoạch
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Hoàng Thị Tín	TDP 2 phường Sông Trí	Nam Mỹ Lợi	64	486	1022,2	1976	Đất bà Phạm Thị Tèo khai hoang làm nhà ở năm 1976, đến năm 1994 cho tặng bà Hoàng Thị Chính sử dụng để ở và trồng cây lâu năm, đến năm 2018 sử dụng trồng cây lâu năm đến nay. Nay bà Tín đại diện để làm hồ sơ cấp GCN.	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
2	Lê Văn Kỳ (Luong Thị Thắng)	Văn Lạc	Văn Lạc	31	578	944,3	1990	Đất được cấp phép làm nhà ở năm 1991, sử dụng trồng cây hàng năm ổn định đến nay	Trồng cây hàng năm khác	1991	Không	Phù hợp
3	Dương Văn Y (Nguyễn Thị Kim Yến)	Văn Lạc	Văn Lạc	18	302	648,9	2003	Đất gia đình khai hoang trước 1/7/2004 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	2003	Không	Phù hợp
4	Phạm Văn Thiên (Hà Thị Thu)	Nam Xuân	Nam Xuân	170vbl	1193	5115,1	2003	Đất bố mẹ khai hoang trước 01/7/2004 sử dụng trồng cây lâm nghiệp, đến năm 2011 cho tặng con là ông Phạm Văn Thiên sử dụng ổn định đến nay.	Trồng tràm	2003	Không	Phù hợp
5	Nguyễn Đức Thuận (Phạm Thị Quý)	Đất Đỏ	Đất Đỏ	13	634	502,7	2003	Đất gia đình khai hoang trước 01/7/2004 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây hàng năm.	Trồng cây hàng năm	2003	Không	Phù hợp
6	Nguyễn Văn Long (Trần Thị Lệ Thủy)	Đất Đỏ	Đất Đỏ	8	680	1097,1	2003	Đất gia đình khai hoang trước 01/7/2004 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	2003	Không	Phù hợp
7	Lê Văn Vê	Lâm Đồng	Đại Đồng	20	634	291,6	2006	Đất nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp năm 2006, đến năm 2008 làm nhà ở ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2008	Không	Phù hợp
8	Lê Thị Danh	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	400	857,4	1980	Đất nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Đặng Diễm năm 1997, ông Diễm khai hoang làm nhà ở từ năm 1980 sử dụng làm nhà ở, trồng cây lâu năm ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
9	Đặng Đình Đèo (Dương Thị Hiếu)	Liên Sơn	Liên Sơn	28	97	1091,6	1997	Đất gia đình khai hoang năm 1997 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Trương Thị Tuyên	TDP Quyền Thưng, phường Sông Trĩ	Thanh Sơn	62	349	374,5	1975	Đất khai hoang 1975 làm nhà ở và trồng cây lâu năm, đến năm 1998 đã tháo dỡ nhà, và trồng cây lâu năm ổn định đến nay	Trồng cây lâu năm	1975	Không	Phù hợp
11	Đặng Thị Biền	Liên Sơn	Liên Sơn	29	86	1130	1992	Đất gia đình khai hoang trước 15/10/1993 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1992	Không	Phù hợp
12	Nguyễn Quang Huân (Nguyễn Thị Xoan)	Đại Đồng	Đại Đồng	5	155	300,0	1996	Đất gia đình khai hoang năm 1996 sử dụng làm nhà ở ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1996	Không	Phù hợp
13	Võ Văn Kiêm (Ngô Thị Thiêm)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	63	263	288	2006	Đất gia đình khai hoang trước năm 2007 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	2006	Không	Phù hợp
14	Hoàng Văn Được	Văn Lạc	Văn Lạc	18	252	918,4	1976	Đất bỏ mẹ khai hoang năm 1976 sử dụng làm nhà ở, trồng cây lâu năm, đến năm 2019 bà Nguyễn Thị Hà chết, nay ông Hoàng Văn Được đại diện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
15	Hoàng Thị Sâm	Liên Sơn	Liên Sơn	31	571	850,2	1976	Đất gia đình khai hoang năm 1976 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
16	Lê Văn Cúc (Nguyễn Thị Hồng Văn)	Sa Xá	Sa Xá	59	494	724,3	2002	Đất nhận chuyển nhượng năm 2002 sử dụng ổn định trồng cây lâu năm đến nay.	Trồng cây lâu năm	2002	Không	Phù hợp
17	Trần Xuân Thạo	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	331	971,3	1976	Đất bỏ mẹ khai hoang làm nhà ở trồng cây lâu năm năm 1976, đến 2007 cho ông Thạo sử dụng đến nay	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
18	Trần Mai Hoa	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	548	653,7	2014	Khai hoang sử dụng làm nhà ở, trồng cây lâu năm từ 2014 đến nay	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2014	Không	Phù hợp
19	Lê Văn Thuần (Trần Thị Duyên)	Sa Xá	Sa Xá	63	277	1073,4	1994	Đất gia đình khai hoang trước năm 1994 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1994	Không	Phù hợp
20	Nguyễn Văn Giai (Nguyễn Thị Khuyên)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	452	744,3	1992	Đất gia đình khai hoang trước 15/10/1993 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
21	Nguyễn Trung Dũng (Nguyễn Thị Ninh)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	449	663,6	1992	Đất gia đình khai hoang trước 15/10/1993 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
22	Đặng Thị Tuyt	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	572	299,9	1992	Đất gia đình khai hoang trước 15/10/1993 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
23	Nguyễn Văn Dành (Phùng Thị Nguyệt)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	63	397	508,2	1978	Đất gia đình khai hoang 1978 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây hàng năm khác.	Trồng cây hàng năm khác	1978	Không	Phù hợp
24	Đặng Thị Nguyên	Thanh Sơn	Thanh Sơn	52	602	199,3	2011	Đất gia đình sử dụng làm nhà ở năm 2011 ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2011	Không	Phù hợp
25	Trần Xuân Hiệp (Thái Thị Huệ)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	55	473	377,8	2001	Đất gia đình khai hoang năm 2001 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	2001	Không	Phù hợp
26	Lê Xuân Tăng	Trung Sơn	Trung Sơn	23	599	7090,8	1990	Đất gia đình khai hoang năm 1990 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp
27	Nguyễn Thị Tơ	Trung Sơn	Trung Sơn	15	559	2193,1	2003	Đất gia đình khai hoang trước 2004, đến tháng 2/2014 làm nhà ở, trồng cây lâu năm sử dụng ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2014	Không	Phù hợp
28	Nguyễn Văn Túy (Nguyễn Thị Quyên)	Trung Sơn	Trung Sơn	23	606	8617,6	1982	Đất gia đình khai hoang năm 1982 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	1982	Không	Phù hợp
29	Phạm Thị Thêu	Liên Sơn	Liên Sơn	24	100	2177,7	2001	Đất gia đình khai hoang năm 2001 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây lâu năm.	Trồng cây lâu năm	2001	Không	Phù hợp
30	Lê Văn Khuyển (Trần Thị Bày)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	57	648	517,7	1979	Đất gia đình khai hoang năm 1979 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây hàng năm.	Trồng cây hàng năm	1979	Không	Phù hợp
31	Nguyễn Trọng Dũng (Ngô Thị Việt)	Liên Sơn	Nam Sơn	29	108	889,3	1979	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở từ trước 1980 ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1979	Không	Phù hợp
32	Hoàng Văn Nguyên	Văn Lạc	Văn Lạc	31	417	1060,7	1976	Đất bố mẹ là ông Hoàng Văn Vít, bà Nguyễn Thị Huân khai hoang 1976 sản xuất nông nghiệp. đến 2013 làm nhà ở liên tục đến nay	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
33	Dương Tuấn (Đặng Thị Hồng)	Văn Lạc	Văn Lạc	1	36	20130	1992	Đất gia đình khai hoang năm 1992 sử dụng ổn định đến nay, trồng keo tràm.	Trồng tràm	1992	Không	Phù hợp
34	Võ Thị Toán	Hòa Hợp	Hòa Hợp	63	514	710,5	1982	Đất gia đình khai hoang năm 1975, đến năm 1982 làm nhà ở trồng cây lâu năm sử dụng ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	1982	Không	Phù hợp
35	Phùng Văn Sau (Lương Thị Hương)	Đại Đồng	Đại Đồng	10	250	788,7	1995	Đất gia đình khai hoang năm 1995 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây hàng năm.	Trồng cây hàng năm	1995	Không	Phù hợp
36	Lê Văn Hà (Trần Thị Ngọc Lan)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	55	561	1123,0	1993	Đất gia đình khai hoang năm 1993 sử dụng ổn định đến nay, trồng cây hàng năm.	Trồng cây hàng năm	1993	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (Thôn)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
37	Nguyễn Quốc Văn (Nguyễn Thị Bích)	Nam Xuân	Nam Xuân	129	112	1050,6	2010	Đất gia đình khai hoang năm 2010 sử dụng ổn định đến nay, làm nhà ở và trồng cây lâu năm.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2010	Không	Phù hợp
38	Hồ Thị Diễm	Tây Xuân	Tây Xuân	78	516	737,4	2001	Đất gia đình khai hoang năm 2001 sử dụng ổn định đến nay, làm nhà ở và trồng cây lâu năm.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
39	Nguyễn Đình Hải (Nguyễn Thị Hương)	Minh Xuân	Minh Xuân	84	351	3087,7	1997	Đất nhận thừa kế từ bố mẹ có nguồn gốc bố mẹ khai hoang năm 1997, đến năm 2009 cho gia đình ông Hải làm nhà ở và trồng cây lâu năm ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2009	Không	Phù hợp
40	Đặng Thị Quý	Trung Xuân	Trung Xuân	80	621	535,9	2003	Đất gia đình khai hoang năm 2003, đến năm 2009 làm nhà ở và trồng cây lâu năm sử dụng ổn định đến nay.	Nhà ở, trồng cây lâu năm	2009	Không	Phù hợp

- Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 09/9/2025, đến ngày 23/9/2025 Tại địa điểm: Trên phương tiện truyền thông của xã, thôn, tại Trung tâm Hành chính công xã Kỳ Văn, Nhà văn hóa thôn Đại Đồng, Đất Đỏ, Hòa Hợp, Liên Sơn, Mỹ Liên, Nam Mỹ Lợi, Nam Sơn, Nam Xuân, Sa Xá, Thanh Sơn, Trung Sơn, Văn Lạc, Minh Xuân, Trung Xuân, Tây Xuân.

- Người không đồng ý với kết quả kiểm tra trên đây thì gửi đơn phản ánh đến UBND xã Kỳ Văn để giải quyết; sau thời gian trên sẽ không xem xét giải quyết.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÓ PHÒNG KINH TẾ

Nguyễn Út Hậu

Nguyễn Đình Kế

Kỳ Văn, ngày 08 tháng 9 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Công Toàn